TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **148/**2024/HS-PT
Ngày: 19-8-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lịnh

Các Thẩm phán: ÔngPhan Văn Thuấn

Ông Trương Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa*:**ÔngNguyễn Tấn Đạt -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giangtham gia phiên tòa:***Ông Đỗ Thị Tuyết Nhung-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:100/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 7năm 2024 đối vớibị cáo Bùi Quốc C, do có kháng cáo của bị hại Lê Thị Diệu Hvà La Văn Tđối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HSST ngày 31 tháng 5năm 2023của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáobị kháng cáo:**Bùi Quốc C**, sinh ngày 04/6/1991tạihuyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp:Tài xế;trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ôngBùi Cẩn T1và bà Nguyễn Thị Y; có vợ tên Nguyễn Thị Kim P(đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không;bị bắt tạm giữ ngày 07/01/2024, chuyển sang tạm giam ngày 16/01/2024 đến nay(có mặt tại phiên tòa).

- *Người bị hại có kháng cáo:*

1.Ông**La Văn T2**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà**Lê Thị Diệu H**, sinh năm 1977(có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/09/2023, Bùi Quốc Cbiết ôngLa Văn T2và bàLê Thị Diệu Hmuốn làm hồ sơ đi du lịch Hàn Quốc,Cnảy sinh ý định nhận làm thủ tục đi du lịch cho ông T2, bà

H nhằm mục đích chiếm đoạt tiền làm hồ sơ. Để tạo lòng tin cho ông T2và bà H, Bùi Quốc Cyêu cầu nộp giấy tờ tùy thân có công chứng và làm động tác điện thoại cho chị Nguyễn Thị Thúy Diễm Eđể hỏi việc làm hồ sơ đi du lịch (chị Diễm Ekhông biết gì về việc Cnhận làm hồ sơ đi du lịch cho ôngT2và bà H). ÔngT2và bàHtin nên đã nhờClàm 03 hồ sơ đi du lịch Hàn Quốc (của ôngT202 hồ sơ, của bàH01 hồ sơ) với chi phí 28.500.000đ/1 hồ sơ, ngoài ra khi hoàn thành phải trả tiền công 1.000.000đ/1 hồ sơ. Sau khi thoả thuận,Cyêu cầu ôngT2và bàHđưa trước 7.000.000đ/1 hồ sơ, nênông T2chuyển khoản cho C 14.000.000đ vàbàHnhờ ông T2chuyển khoản cho C7.000.000đ. Ngoài ra, bàHđưa tiền mặt cho C2.500.000đ làm chi phíphô tô hồ sơ và tiền công chứng. Sau khi nhận được tiền, Csử dụng vào việc tiêu xài cá nhân và nạp tiền chơi game, không làm hồ sơ và cũng không phô tô công chứng hồ sơ cho ông T2, bà H. Để tiếp tục nhận số tiền còn lại theo thỏa thuận, Cnói với ôngT2và bàHlà hồ sơ đã được Đại sứ quán duyệt và yêu cầu đưa số tiền còn lại, ôngT2và bà Htin lời Cnên đã chuyển khoản thêm cho C nhiều lần tổng cộng 45.500.000đ (trong đó của bà Hnhờ chuyển là 6.500.000đ), đồng thời, ông T2đưa tiền mặt cho C6.000.000đ và bàHgửi đưa tiền mặt cho C16.000.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền, Ctiêu xài cho mục đích cá nhân và chơi game, không làm thủ tục hồ sơ đi du lịch cho ôngT2và bàH.

Sau khi đưa đủ số tiền làm hồ sơ cho C, ôngT2và bàHkhông thấy Cliên lạc để giao lại hồ sơ nên liên tục gọi điện yêu cầu Cgiao giấy tờ. Do Ckhông có giấy tờ giao, nên Cđã nhờ anh Danh Klà bạn của Cgọi điện cho ông T2và bàHnói là nhân viên Đại sứ quán tại thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu ôngT2và bàHcung cấp địa chỉ để gửi hồ sơ về, anh Kđồng ý và đã gọi điện cho ôngT2và bàH(anh Kkhông biết việc Cđã lừa đảo chiếm đoạt tiền của ôngT2và bàH). Sau đó, Cchặn các cuộc gọi từ ông T2và bàH, lúc này ôngT2và bàHbiết đã bị Clừa chiếm đoạt tiền của mình nên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gtố giác. Ngày 07/01/2024,Cđến Công an xã H, huyện Gđầu thú.

Tổng số tiền Cchiếm đoạt của ôngT2và bà Hlà 91.000.000đ (Trong đó của ông T259.000.000đ; của bà H32.000.000đ).

Về vật chứng đã thu giữ:

- 14 (Mười bốn) tấm ảnh chụp lại nội dung tin nhắn Zalo giữa chị Lê Thị Diệu Hvà Bùi Quốc C.

- 15 (Mười lăm) file ghi âm được lưu trong đĩa DVD có dung lượng lần lượt là: 76kb; 16kb; 23kb; 23kb; 17kb; 307kb; 151kb; 60kb; 234kb; 58kb; 131kb; 558kb; 117kb; 28kb; và 28kb.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HSST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Quốc C30 thángtù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phívà báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/6/2024, bị hại La Văn T2có đơn kháng cáo với nội dung: Về trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo C; Về trách nhiệm dân sự yêu cầu buộc bị cáo Cphải trả lại ngay 59.000.000đ.

Ngày13/6/2024, bị hạiLê Thị Diệu H có đơn kháng cáo với nội dung: Về trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo C; Về trách nhiệm dân sự yêu cầu buộc bị cáo Cphải trả ngay trả lại ngay 32.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị hại Tại và Hcó ý kiến: Giữ nguyên phần kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C; rút lại phần kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo Cphải trả lại ngay số tiền đã chiếm đoạt.

- Bị cáo Cco ý kiến thừa nhận bản thân đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại như cấp sơ thẩm truy tố, xét xử. Xin xem xét xử mức án nhẹ nhất có thể. Đồng ý chịu trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại,nhưng không có điều kiện trả ngay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần các bị hại đã rút kháng cáo.

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Tại và Hvề việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C. Giữ nguyên mức án 02 năm 06 tháng tù bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:Xét đơn kháng cáo của các bị hạivề nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáolà đúng quy định củaBộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Tại và Hrút lại một phần kháng cáo về việc yêu cầu giải quyết lại phần trách nhiệm dân sự. Thấy rằng, việc rút một phần kháng cáo của các bị hại là tự nguyện và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo các bị hại đã rút.

[3]Xét kháng cáo của các bị hại về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Bùi Quốc Cđưa ra thông tin không đúng sự thật là có thể làm thủ tục cho gia đình ông La Văn T2và bà Lê Thị Thu H1đi du lịch nước ngoài (HànQuốc) và nhận của họ chi phí làm hồ sơ tổng cộng 91.000.000đ, mặc dù Ckhông có khả năng thực hiện được việc này. Đồng thời sau khi nhận tiền của ông T2và bà H1, Ccũng không liên hệ với tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nào để làm thủ tục cho họ đi nước ngoài,mà sử dụng tiền để tiêu xài và chơi game.Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử và

kết án bị cáo về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội,không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây bức xúc đối với bị hại và mọi người mà còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, cảnh tỉnh chung. Bị cáo chiếm đoạt của các bị hại 91.000.000đ là đã ở mức một phần hai trị giá tài sản từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 2 đến 7 năm tù. Trong khi bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điếu 51 Bộ luật hình sự, đồng thời bị cáo chưa hoàn trả cho bị hại được khoản tiền nào. Từ đó xét thấy,cần xử phạt bị cáo mức hình phạt gần ở giữa khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự mới phù hợp, mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của các bị hại, sửa bản án sơ thẩmvề phần quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về án phí, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các điều 11, 12 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo của các bị hạiđược chấp nhận nên các bị hạikhông phải chịu án phí phúc thẩm.Hoàn trả lại cho bị hại La Văn T2và Lê Thị Diệu Hmỗi người 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HSST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giangkhông có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị hại La Văn T2và Lê Thị Diệu Hvề việc yêu cầu giải quyết lại phần trách nhiệm dân sự.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận phần kháng cáo của bị của bị hại La Văn T2và Lê Thị Diệu Hvề việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Quốc C; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HSST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc C**03** (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ (ngày 07/01/2024).

2. Về án phí,căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Các bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Hoàn trả lại cho bị hại La Văn T2300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002928 ngày 17/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả lại cho bị hại Lê Thị Diệu H300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002929 ngày 17/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HSST ngày 31/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giangkhông có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM(1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- CQĐT H. GR(1);
- VKS H. GR (1);
- Tòa án H. GR (1);
- THHSH. GR (1);
- Chi cục THADSH. GR (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Lịnh